

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2025 và thay thế các Quyết định: số 27/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; số 03/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; số 09/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành có liên quan; Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Phú Thọ; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hòa Bình; Giám đốc các Công ty TNHH MTV thủy lợi: Liên Sơn, Lập Thạch, Tam Đảo, Phúc Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp & Môi trường;
- Cục KTVB và Quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- MTTQ VN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh ;
- UBND các xã, phường ;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Phú Thọ;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- CVNCTH;
- Lưu: VT, NN8 (HQ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đình Công Sứ

QUY ĐỊNH**Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng
năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

**Chương
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi thuộc khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Nguyên tắc quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác

1. Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với một số công trình thủy lợi khác nhằm xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đảm bảo thuận lợi trong quá trình quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa việc bảo vệ công trình thủy lợi với việc sử dụng đất cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác được xác định trên cơ sở quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 40 Luật Thủy lợi; đảm bảo an toàn công trình, không gây lãng phí.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi**

1. Tràn xả lũ, tràn sự cố: Phạm vi vùng phụ cận của tràn xả lũ, tràn sự cố nằm độc lập với đập của hồ chứa được tính từ phần xây đúc ngoài cùng (đối với tràn kiên cố) và từ mép ngoài cùng của tràn (đối với tràn có kết cấu bằng đất) trở ra mỗi bên tối thiểu 50 m đối với tràn của hồ chứa nước lớn; 30 m đối với tràn của hồ chứa nước vừa; 10 m đối với tràn của hồ chứa nước nhỏ.

2. Đập dâng nước: Phạm vi vùng phụ cận của đập dâng được tính từ phần xây đúc cuối cùng của đập trở ra về phía thượng lưu và hạ lưu. Cụ thể: Đối với đập cấp I tối thiểu là 100 m; đập cấp II tối thiểu là 50 m; đập cấp III tối thiểu là 30 m; đập cấp IV tối thiểu là 10 m; vùng phụ cận đối với hai vai đập tính từ vị trí giao cắt của đập với mặt đất tự nhiên hoặc với công trình liền kề trở ra, đối với

đập cấp I tối thiểu 20 m, đập cấp II tối thiểu 15 m, đập cấp III tối thiểu 10 m, đập cấp IV tối thiểu 3 m.

3. Trạm bơm:

a) Khu vực trạm bơm đã có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của hàng rào bảo vệ trở vào.

b) Khu vực trạm bơm chưa có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận được tính là toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng công trình đưa vào sử dụng.

4. Vùng phụ cận của kênh tưới, tiêu (kể cả luồng tiêu) được quy định như sau: Phạm vi bảo vệ của kênh đất tính từ chân mái ngoài của kênh trở ra đối với kênh nổi có đắp bờ và tính từ điểm giao mái trong của kênh với mặt đất tự nhiên trở ra đối với kênh chìm. Phạm vi bảo vệ kênh kiên cố được tính từ phần xây đúc ngoài cùng của thành kênh trở ra.

a) Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi bảo vệ từ $0,5 \text{ m}$ đến 01 m đối với kênh đất và từ $0,3 \text{ m}$ đến $0,5 \text{ m}$ đối với kênh đã kiên cố;

b) Kênh có lưu lượng từ $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$ đến dưới $2 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi bảo vệ từ 01 m đến $1,5 \text{ m}$ đối với kênh đất và từ $0,5 \text{ m}$ đến 01 m đối với kênh đã kiên cố;

c) Vùng phụ cận của luồng tiêu khi chưa xác định được lưu lượng (kể cả các luồng tiêu đã kiên cố) được tính từ mép luồng tiêu ra mỗi bên qui định cụ thể như sau:

- Đối với luồng tiêu có bề rộng mặt cắt ngang phía trên nhỏ hơn 5 m phạm vi bảo vệ mỗi bên là 2 m ;

- Đối với luồng tiêu có bề rộng mặt cắt ngang phía trên từ 5 m đến 20 m phạm vi bảo vệ mỗi bên từ 3 đến 5 m ;

- Đối với luồng tiêu có bề rộng mặt cắt ngang phía trên trên 20 m phạm vi bảo vệ mỗi bên là 5 m ;

d) Các công trình trên kênh (gồm: Công lấy nước; đóc nước, công trình điều tiết mực nước và lưu lượng; công trình đo nước; cầu máng, xy phong, cống luồn; công trình xả nước khi có sự cố và xả nước cuối kênh; cầu qua kênh): Phạm vi vùng phụ cận xác định như đối với kênh.

e) Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo quy định trên còn phù hợp với quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông.

f) Khi kênh đi dưới đường dây tải điện hoặc đi song song với đường dây tải điện, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo quy định trên còn phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn điện.

g) Đường ống dẫn nước:

- Đối với đường ống có đường kính trong $\geq 1.000 \text{ mm}$: Phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài đường ống theo phương thẳng đứng trở ra mỗi bên là 05m ;

- Đối với đường ống có đường kính trong $< 1.000 \text{ mm}$: Phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài đường ống theo phương thẳng đứng trở ra mỗi bên là 03m .

5. Bờ bao thủy lợi:

- a) Bờ bao độc lập: Phạm vi vùng phụ cận tính từ chân bờ trở ra mỗi phía 02m.
- b) Bờ bao và bờ kênh kết hợp: Phạm vi vùng phụ cận xác định như đối với kênh.

6. Cổng thủy lợi

- a) Cổng lớn: Phạm vi vùng phụ cận được giới hạn từ phần xây đúc cuối cùng của cổng trở ra mỗi phía 15m;
- b) Cổng vừa: Phạm vi vùng phụ cận được giới hạn từ phần xây đúc cuối cùng của cổng trở ra mỗi phía 10m;
- c) Cổng nhỏ: Phạm vi vùng phụ cận được giới hạn từ phần xây đúc cuối cùng của cổng trở ra mỗi phía 05m.

7. Trường hợp trong một cụm công trình thủy lợi có công trình đất kết hợp với công trình xây đúc thì phạm vi bảo vệ công trình xác định theo thứ tự lần lượt như sau: công trình xây đúc kiên cố, công trình đất.

8. Trường hợp công trình thủy lợi nằm trong khu vực bảo tồn thiên nhiên, nằm trong phạm vi bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa hoặc khu vực an ninh quốc phòng thì thực hiện theo quy định pháp luật về bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ khu vực an ninh quốc phòng.

9. Phạm vi vùng phụ cận của những công trình không có trong quy định này phải tuân theo Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi triển khai thực hiện quy định này và các quy định khác về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi có liên quan. Tổng hợp kết quả thực hiện hằng năm, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình; phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức kiểm tra chuyên ngành về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phổ

biến các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi trong quá trình xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án liên quan đến phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Cân đối bố trí nguồn kinh phí phục vụ công tác cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, công tác giải tỏa vi phạm, hỗ trợ, bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo quy định hiện hành.

3. Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có kết hợp giao thông, thực hiện cắm biển báo, chỉ giới đảm bảo an toàn giao thông đối với các tuyến đường được giao quản lý.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công thương, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quy hoạch, xác định lộ giới, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nằm trong khu vực do đơn vị mình quản lý theo quy định hiện hành.

5. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Quy định này để nhân dân biết, thực hiện.

6. Công an tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã có công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi chỉ đạo, ngăn chặn các hành vi phá hoại, cản trở công tác di dời nhà và công trình trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn việc thực hiện quy định này.

2. Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định này trên địa bàn; chỉ đạo các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi, các đơn vị có liên quan trên địa bàn thực hiện quy định này và các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi để nhân dân biết, thực hiện.

3. Tham gia, phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình trong việc xây dựng phương án bảo vệ công trình, phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình và trong việc thực hiện cắm mốc chỉ giới trên thực địa.

4. Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo thẩm quyền; Tổ chức thực hiện công tác di dời nhà và công trình nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi sau khi phê duyệt.

5. Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật; tiếp nhận, quản lý và bảo vệ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình

thủy lợi khi được bàn giao; phối hợp với các các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi, các đơn vị có liên quan rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định.

6. Kịp thời xử lý những hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền phải báo cáo cấp có thẩm quyền cấp trên để xử lý. Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương và xử lý các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

Điều 7. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi

1. Lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 41 Luật Thủy lợi.

2. Lập phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi đối với các công trình đang khai thác phải cấm mốc chỉ giới, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức cấm mốc chỉ giới trên thực địa, phối hợp quản lý, bảo vệ mốc giới và trực tiếp quản lý, bảo vệ mốc chỉ giới, lưu trữ hồ sơ cấm mốc theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình, rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

4. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và báo cáo các cấp có thẩm quyền để xử lý vi phạm; phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền việc thực hiện quy định này trên địa bàn có công trình được giao quản lý, khai thác.

5. Giám sát việc thực hiện các nội dung trong giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

6. Lập và bàn giao hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình cho Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp quản lý, khai thác.

Điều 8. Quy định chuyên tiếp

1. Công trình, dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép xây dựng áp dụng theo các Quyết định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trước ngày Quy định này có hiệu lực được tiếp tục duy trì hiện trạng và thực hiện theo các quy định, quyết định đã được phê duyệt trước đó.

2. Việc điều chỉnh, cải tạo, mở rộng hoặc thay đổi mục đích sử dụng đối với các công trình quy định tại Khoản 1 điều này sau ngày Quy định này có hiệu lực phải tuân thủ theo các quy định về phạm vi vùng phụ cận công trình theo Quyết định này.

3. Đối với những công trình thủy lợi đã được xây dựng nhưng chưa bàn giao cho đơn vị quản lý, khai thác, vận hành hoặc công trình đang hoạt động nhưng chưa có vùng phụ cận: Các chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm giữ nguyên hiện trạng công trình; xác định những trường hợp công trình thủy lợi phải cấm mốc chỉ giới bảo vệ công trình; xác định phạm vi vùng phụ cận, lập hồ sơ phương án cấm mốc chỉ giới, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình theo quy định tại Điều 43 Luật Thủy lợi.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đề nghị các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.